

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 47

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Số: 759/2017/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 03 tháng 11 năm 2017, từ trang 04 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2017

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.700.695.673.046	1.690.996.182.570
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	148.463.331.016	163.402.922.102
1. Tiền	111		120.300.030.213	109.085.984.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.163.300.803	54.316.937.430
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.315.184.902	11.495.754.445
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(1.040.000.000)	(1.040.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	15.355.184.902	10.535.754.445
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		499.669.371.627	494.899.832.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	393.139.639.623	397.444.884.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.614.895.261	51.547.624.904
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	45.286.704.047	47.509.008.747
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(428.325.808)	(1.601.684.995)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		56.458.504	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	925.126.839.258	911.719.012.202
1. Hàng tồn kho	141		931.684.281.409	917.620.795.334
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.557.442.151)	(5.901.783.132)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		111.120.946.243	109.478.660.835
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	34.806.041.987	14.901.671.095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62.233.803.736	81.598.720.734
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	14.081.100.520	12.978.269.006
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.030.007.676.787	1.016.674.791.260
I Các khoản phải thu dài hạn	210		59.575.181.051	51.006.221.560
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	59.575.181.051	51.006.221.560
II Tài sản cố định	220		762.124.981.409	745.262.135.028
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	727.573.266.453	706.994.678.929
- Nguyên giá	222		1.438.118.705.250	1.385.375.526.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(710.545.438.797)	(678.380.847.429)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	34.551.714.956	38.267.456.099
- Nguyên giá	228		50.979.778.829	52.867.733.386
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.428.063.873)	(14.600.277.287)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.554.369.269	1.378.129.112
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.554.369.269	1.378.129.112
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	123.620.263.873	121.992.313.143
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.274.650.488	94.236.699.758
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		42.345.613.385	27.755.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		75.132.881.185	97.035.992.417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	75.132.881.185	97.035.992.417
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.730.703.349.833	2.707.670.973.830

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.372.566.439.381	2.313.398.689.454
I- Nợ ngắn hạn	310		2.014.700.876.353	1.984.940.896.144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	292.836.132.855	298.202.792.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.502.230.349	74.950.111.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	18.930.104.490	29.759.479.379
4. Phải trả người lao động	314		103.048.320.599	229.322.262.831
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	33.262.696.423	44.317.098.563
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		147.177.369	8.078.600.923
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	49.416.854.679	56.301.426.390
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.392.148.201.812	1.176.828.009.062
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		45.145.206.163	39.356.892.228
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		26.263.951.614	27.824.223.258
II- Nợ dài hạn	330		357.865.563.028	328.457.793.310
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	-	375.597.034
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	12.868.137.514
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		22.602.482.290	22.205.546.226
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	11.932.970.183	22.769.272.774
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	320.650.350.555	266.227.335.315
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		2.679.760.000	2.679.760.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.332.144.447
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		358.136.910.452	394.272.284.376
I- Vốn chủ sở hữu	410		358.136.910.452	394.272.284.376
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.317.175.517	45.373.475.832
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.881.619.777	86.181.559.544
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		79.938.115.158	80.717.249.000
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.730.703.349.833	2.707.670.973.830

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.969.004.926.308	2.038.839.961.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.641.258.556	8.599.895.950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.963.363.667.752	2.030.240.065.896
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.567.910.889.597	1.639.138.462.054
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		395.452.778.155	391.101.603.842
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	13.446.513.150	19.855.766.146
7. Chi phí tài chính	22	5.20	31.619.983.002	28.813.470.515
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.844.407.175	22.299.298.219
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.156.753.791	4.697.002.876
9. Chi phí bán hàng	25	5.21	147.439.473.098	137.535.368.194
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	196.100.752.888	217.152.189.625
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		35.895.836.108	32.153.344.530
12. Thu nhập khác	31	5.23	9.896.713.932	9.551.969.291
13. Chi phí khác	32	5.23	6.508.476.052	4.093.146.537
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.388.237.880	5.458.822.754
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		39.284.073.988	37.612.167.284
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.712.353.702	10.365.805.428
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.571.720.286	27.246.361.856
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		23.558.153.088	26.162.380.328
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.013.567.198	1.083.981.528
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	993	1.119

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.284.073.988	37.612.167.284
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	57.356.046.560	54.979.637.472
- Các khoản dự phòng	03	5.270.613.767	737.027.841
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.267.257.405)	(3.588.890.132)
- Chi phí lãi vay	06	25.844.407.175	22.299.298.219
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	123.487.884.085	112.039.240.684
- Biến động các khoản phải thu	09	6.096.946.539	210.743.333.693
- Biến động hàng tồn kho	10	(14.063.486.075)	(26.850.422.704)
- Biến động các khoản phải trả	11	(299.492.182.224)	(100.318.298.734)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.998.740.340	(27.674.717.359)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.844.407.175)	(22.299.298.219)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.659.943.308)	(13.880.536.500)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(6.444.490.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(225.476.447.818)	125.314.810.823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.661.710.952)	(37.212.148.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	18.058.198.585	472.915.309
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.819.430.457)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.747.222.222
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.627.950.730)	(7.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.678.308.572	3.754.243.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.372.584.982)	(35.537.767.752)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.651.545.536.533	1.665.120.901.708
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.381.802.328.543)	(1.744.694.176.062)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.833.766.276)	(54.981.689.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	217.909.441.714	(134.554.964.159)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(14.939.591.086)	(44.777.921.088)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	163.402.922.102	252.609.491.417
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	148.463.331.016	207.831.570.329

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh



Thân Phạm Tiến




Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2017: 5.185 người (31/12/2016 là: 5.762 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,65%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,48%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,48%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất (Tiếp theo)

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 72%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 72%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 42,27%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 57,56%

Danh sách các công ty liên danh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 34,33%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 34,33%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất (Tiếp theo)

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 19,45%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 20,55%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Nam Định
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh UK

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong Vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trong kỳ, có hợp nhất kinh doanh Công ty CP Truyền thông và Du lịch Nhà Bè do Tổng công ty quyền biểu quyết chiếm 57,56%.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2017.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07
Tài sản cố định vô hình	

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất giữa niên độ doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	6.720.613.108	7.281.100.006
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	112.668.217.105	101.804.884.666
Tương đương tiền	28.163.300.803	54.316.937.430
Tổng	148.463.331.016	163.402.922.102

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)
Trong đó chủ yếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)
Tổng	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)

Giá trị hợp lý được xác định là giá thị trường của cổ phiếu.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	15.355.184.902	15.355.184.902	10.535.754.445	10.535.754.445
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.355.184.902	15.355.184.902	10.535.754.445	10.535.754.445
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	15.355.184.902	15.355.184.902	10.535.754.445	10.535.754.445

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN**5.4 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	393.139.639.623	397.444.884.330
DEBENHAMS RETAIL	10.296.359.908	8.283.312.401
JP GLOBAL	989.183.957	23.078.996.509
H&M	7.588.651.502	11.828.556.568
BMB CLOTHING GROUP	57.916.837.228	34.535.871.481
LUCRETIA	20.638.891.637	19.862.956.816
GENEROS	13.985.285.236	18.175.759.929
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát	-	10.622.034.478
Kelly Grace Corp., DBA Danny & Nicole	-	6.993.344.425
WORTHY GLOBAL LIMITED	-	25.802.290.584
MOTIVES	2.146.527.947	-
WE EUROPE	1.762.704.377	1.345.616.048
JC PENNY	10.730.178.400	7.798.740.722
ARCADIA	10.188.222.367	4.315.349.450
Phải thu khách hàng khác	256.896.797.064	224.802.054.919
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	393.139.639.623	397.444.884.330

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.5 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	45.286.704.047	-	47.509.008.747	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	22.449.346.443	-	22.137.605.938	-
- Phải thu tiền bảo hiểm	3.127.839.912	-	874.778.654	-
- Tạm ứng	6.591.740.689	-	7.004.205.340	-
- Ký cược, ký quỹ	203.220.750	-	1.272.939.948	-
- Thuế chờ hoàn	5.127.593.975	-	5.124.052.979	-
- Phải thu khác	7.786.962.278	-	11.095.425.888	-
b) Dài hạn	59.575.181.051	-	51.006.221.560	-
- Công ty Cổ phần Máy Phù Cát	8.453.700.000	-	8.453.700.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	34.296.286.150	-	34.296.286.150	-
- Ký cược, ký quỹ	3.808.513.672	-	2.275.424.624	-
- Phải thu khác	13.016.681.229	-	5.980.810.786	-
Tổng	104.861.885.098	-	98.515.230.307	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	5.670.861.326	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	295.864.692.351	(2.109.005.115)	322.220.946.002	(2.109.005.115)
Công cụ, dụng cụ	28.250.844.828	-	2.422.301.010	-
Chi phí SX KDDD	286.203.928.950	-	286.089.974.427	-
Thành phẩm	239.436.832.148	(2.875.905.897)	231.389.978.733	(1.619.622.088)
Hàng hóa	12.790.830.597	(561.581.071)	14.175.624.020	(1.162.205.861)
Hàng gửi bán	63.466.291.209	(1.010.950.068)	61.321.971.142	(1.010.950.068)
Tổng	931.684.281.409	(6.557.442.151)	917.620.795.334	(5.901.783.132)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN**5.7 Chi phí trả trước**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	34.806.041.987	14.901.671.095
- Chi phí bảo hiểm	1.445.272.969	2.372.104.941
- Chi phí CCDC	3.044.923.577	1.614.465.519
- Máy móc thiết bị	13.797.503.217	14.995.758
- Phân bổ phụ tùng	1.157.754.828	1.099.368.292
- Chi phí quảng cáo	853.849.561	678.877.934
- Chi phí sửa chữa	1.349.504.334	947.367.710
- Chi phí thuê mặt bằng	2.554.297.039	2.885.814.629
- Tiền thuê đất	2.839.569.539	170.047.300
- Khác	7.763.366.923	5.118.629.012
b) Dài hạn	75.132.881.185	97.035.992.417
- Chi phí thuê đất	31.644.584.252	34.489.505.484
- Chi phí CCDC	23.875.615.882	34.763.942.084
- Chi phí quảng cáo	2.550.607.682	1.020.949.366
- Chi phí sửa chữa	9.801.663.723	9.249.608.727
- Chi phí phụ tùng	1.802.951.358	2.714.254.708
- Tài sản giảm theo thông tư 45	51.070.715	132.390.401
- Máy móc thiết bị	968.048.131	6.316.070.067
- Chi phí đào tạo nhân viên	-	5.936.922.389
- Chi phí chờ phân bổ	225.278.187	983.432.485
- Khác	4.213.061.255	1.428.916.706
Tổng	109.938.923.172	111.937.663.512

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	605.654.649.700	714.404.166.073	47.150.130.153	15.045.246.723	3.121.333.709	1.385.375.526.358
Tăng trong kỳ	24.078.580.831	55.985.691.111	8.125.609.897	354.695.455	42.227.273	88.586.804.567
Mua trong kỳ	4.927.458.182	55.164.472.929	7.468.082.627	354.695.455	42.227.273	67.956.936.466
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.308.221.984	-	-	-	-	1.308.221.984
Tăng từ Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	17.842.900.665	821.218.182	657.527.270	-	-	19.321.646.117
Giảm trong kỳ	151.902.926	35.000.496.779	657.527.270	33.698.700	-	35.843.625.675
Thanh lý nhượng bán	151.902.926	35.000.496.779	657.527.270	33.698.700	-	35.843.625.675
Số dư tại 30/06/2017	629.581.327.605	735.389.360.405	54.618.212.780	15.366.243.478	3.163.560.982	1.438.118.705.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	214.169.298.465	421.105.723.943	29.293.438.514	11.678.423.618	2.133.962.889	678.380.847.429
Tăng trong kỳ	18.981.499.211	33.932.590.722	2.856.228.839	720.839.407	176.149.159	56.667.307.338
Khấu hao trong kỳ	17.829.599.088	33.853.522.135	2.707.502.425	720.839.407	176.149.159	55.287.612.214
Tăng từ Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	1.151.900.123	79.068.587	148.726.414	-	-	1.379.695.124
Giảm trong kỳ	17.103.144	24.300.410.139	151.503.987	33.698.700	-	24.502.715.970
Thanh lý nhượng bán	17.103.144	24.300.410.139	151.503.987	33.698.700	-	24.502.715.970
Số dư tại 30/06/2017	233.133.694.532	430.737.904.526	31.998.163.366	12.365.564.325	2.310.112.048	710.545.438.797
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	391.485.351.235	293.298.442.130	17.856.691.639	3.366.823.105	987.370.820	706.994.678.929
Tại ngày 30/06/2017	396.447.633.073	304.651.455.879	22.620.049.414	3.000.679.153	853.448.934	727.573.266.453

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	22.330.443.097	5.838.965.451	24.698.324.838	52.867.733.386
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.887.954.557	-	-	1.887.954.557
Chuyển nhượng bất động sản	1.887.954.557	-	-	1.887.954.557
Số dư tại 30/06/2017	<u>20.442.488.540</u>	<u>5.838.965.451</u>	<u>24.698.324.838</u>	<u>50.979.778.829</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	2.683.658.723	4.315.707.765	7.600.910.799	14.600.277.287
Tăng trong kỳ	314.809.944	316.054.032	1.437.570.370	2.068.434.346
Khấu hao trong kỳ	314.809.944	316.054.032	1.437.570.370	2.068.434.346
Giảm trong kỳ	240.647.760	-	-	240.647.760
Chuyển nhượng bất động sản	240.647.760	-	-	240.647.760
Số dư tại 30/06/2017	<u>2.757.820.907</u>	<u>4.631.761.797</u>	<u>9.038.481.169</u>	<u>16.428.063.873</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	<u>19.646.784.374</u>	<u>1.523.257.686</u>	<u>17.097.414.039</u>	<u>38.267.456.099</u>
Tại ngày 30/06/2017	<u>17.684.667.633</u>	<u>1.207.203.654</u>	<u>15.659.843.669</u>	<u>34.551.714.956</u>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
		Giá hợp lý	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		81.274.650.488	94.236.699.758
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	10.942.685.782	10.514.988.557
Công ty CP May Nam Định	49,86%	4.938.383.246	6.834.259.070
Công ty CP Đầu Tư Nhà Bè	28,58%	5.195.256.180	4.514.364.614
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	5.569.960.563	4.851.717.874
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	13.788.752.906	8.442.993.616
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	4.697.709.883	4.556.603.670
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	30.241.334.718	28.088.336.174
Công ty CP Truyền thông & Du lịch NBC		-	14.137.341.299
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46,67%	560.000.000	560.000.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	5.340.567.210	5.344.726.906
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè		-	3.661.339.571
Công ty CP SX - TM - DV Hưng Phát		-	2.730.028.407
Đầu tư vào đơn vị khác		42.345.613.385	27.755.613.385
Đầu tư trái phiếu			
Công ty CP Sản xuất TM DV Hưng Phát		2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư khác			
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)		5.337.100.000	3.747.100.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng		5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An		7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP Dệt may Liên Phương		3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP May Nam Định		1.338.750.000	1.338.750.000
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh		1.750.000.000	-
Công ty CP Sản xuất - TM - DV Hưng Phát		4.000.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư An Phát		4.225.000.000	4.225.000.000
Công ty CP Bán lẻ Nhà Bè		7.250.000.000	
Tổng		123.620.263.873	121.992.313.143



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	292.836.132.855	292.836.132.855	298.202.792.065	298.202.792.065
Motives (Far East) Ltd.	14.394.416.406	14.394.416.406	12.222.664.521	12.222.664.521
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.978.048.195	3.978.048.195	7.091.377.059	7.091.377.059
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	1.121.466.648	1.121.466.648	1.968.061.383	1.968.061.383
Công ty TNHH May XK Việt Thành	7.214.578.150	7.214.578.150	9.453.972.475	9.453.972.475
Công ty CP May Tây Sơn	2.463.800.996	2.463.800.996	2.087.143.842	2.087.143.842
Nataka Corporate Private Limited	16.426.147.225	16.426.147.225	22.285.218.400	22.285.218.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	247.237.675.235	247.237.675.235	243.094.354.385	243.094.354.385
b. Dài hạn	-	-	375.597.034	375.597.034
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	-	375.597.034	375.597.034
Tổng	292.836.132.855	292.836.132.855	298.578.389.099	298.578.389.099

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
Phải nộp	29.759.479.379	49.371.478.363	60.200.853.252	18.930.104.490
Thuế GTGT	13.794.896.979	31.270.910.596	34.320.769.983	10.745.037.592
Thuế xuất, nhập khẩu	1.132.565.453	456.728.886	1.589.294.339	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.264.649.608	5.794.258.966	10.504.393.331	4.554.515.243
Thuế thu nhập cá nhân	3.884.444.310	5.438.176.842	7.400.866.382	1.921.754.770
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.500.437.867	2.795.132.423	2.705.570.290	1.590.000.000
Các loại thuế khác	-	62.000.000	62.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	182.485.162	3.554.270.650	3.617.958.927	118.796.885
Phải thu	12.978.269.006	9.844.991.304	10.947.822.818	14.081.100.520
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	60.000	-	439.048	499.048
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	12.885.259.984	3.922.719.955	1.797.146.876	10.759.686.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	48.909.884	5.919.271.349	7.155.549.977	1.285.188.512
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	68.645.584	68.645.584
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	-	-	1.920.041.333	1.920.041.333
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.039.138	3.000.000	6.000.000	47.039.138

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.262.696.423	44.317.098.563
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	9.281.455.646	14.173.863.670
- Chi phí đồng phục	1.110.000.000	-
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	11.164.570.184	12.737.444.571
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.411.067.386	4.814.051.690
- Chi phí phải trả khác	7.295.603.207	12.591.738.632
b) Dài hạn	-	-
Tổng	33.262.696.423	44.317.098.563

5.14 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	49.416.854.679	56.301.426.390
Kinh phí công đoàn	9.425.991.518	8.645.741.749
Bảo hiểm xã hội	15.065.249.911	16.510.523.744
Bảo hiểm y tế	2.679.724.160	2.525.147.467
Bảo hiểm thất nghiệp	1.143.828.076	1.189.078.758
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	712.945.500	11.302.877.840
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.379.115.514	16.118.056.832
b) Dài hạn	11.932.970.183	22.769.272.774
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.650.500.000	19.345.567.500
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	2.282.470.183	3.423.705.274
Tổng	61.349.824.862	79.070.699.164

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.392.148.201.812	1.392.148.201.812	1.582.824.206.489	1.367.504.013.739	1.176.828.009.062	1.176.828.009.062
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam [1]	442.209.710.441	442.209.710.441	442.670.709.835	496.248.184.092	495.787.184.698	495.787.184.698
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	327.960.351.733	327.960.351.733	336.837.442.236	151.786.777.427	142.909.686.924	142.909.686.924
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBCT (Việt Nam)	10.033.085.665	10.033.085.665	10.048.118.080	11.822.884.432	11.807.852.017	11.807.852.017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	73.034.720.038	73.034.720.038	105.156.500.610	157.573.435.723	125.451.655.151	125.451.655.151
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	57.040.192.056	57.040.192.056	64.754.323.384	22.798.456.293	15.084.324.965	15.084.324.965
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	58.859.674.552	58.859.674.552	64.754.323.384	22.798.456.293	16.903.807.461	16.903.807.461
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	49.657.008.702	49.657.008.702	52.282.021.384	21.239.807.198	18.614.794.516	18.614.794.516
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	-	-	-	9.324.919.121	9.324.919.121	9.324.919.121
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [3]	159.857.239.274	159.857.239.274	194.050.734.181	111.036.058.244	76.842.563.337	76.842.563.337
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn	4.671.735.201	4.671.735.201	4.671.735.201	8.581.151.320	8.581.151.320	8.581.151.320

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	-	-				-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	7.111.857.600	7.111.857.600	26.875.857.815	106.846.238.617	87.082.238.402	87.082.238.402
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	37.775.265.155	37.775.265.155	37.809.769.672	30.033.584.799	29.999.080.282	29.999.080.282
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN HCM	26.875.857.815	26.875.857.815	26.875.857.815	8.543.862.150	8.543.862.150	8.543.862.150
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định	2.321.354.882	2.321.354.882	3.443.435.712	1.819.366.162	697.285.332	697.285.332
Vay các ngân hàng thương mại khác	119.996.513.736	119.996.513.736	211.399.793.389	129.229.784.150	37.826.504.497	37.826.504.497

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-			-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	10.080.256.520	10.080.256.520	3.150.000	9.354.285.600	19.431.392.120	19.431.392.120
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	2.905.672.000	2.905.672.000	1.190.433.791	54.488.421.237	56.203.659.446	56.203.659.446
Ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam- CN Bình Thuận	-	-	-	11.123.545.593	11.123.545.593	11.123.545.593
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.757.706.442	1.757.706.442	-	1.757.706.442	3.515.412.884	3.515.412.884
Vay các ngân hàng thương mại khác	-	-	-	1.097.088.846	1.097.088.846	1.097.088.846
						-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	320.650.350.555	320.650.350.555	68.721.330.044	14.298.314.804	266.227.335.315	266.227.335.315
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh USD [4]	53.214.650.000	53.214.650.000	-	-	53.214.650.000	53.214.650.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh - VND [4]	46.693.048.250	46.693.048.250	4.760.433.791	5.515.706.943	47.448.321.402	47.448.321.402
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [5]	152.139.479.332	152.139.479.332	8.319.990.879	583.145.000	144.402.633.453	144.402.633.453
Vay các ngân hàng thương mại khác	68.603.172.973	68.603.172.973	55.640.905.374	8.199.462.861	21.161.730.460	21.161.730.460
Tổng	1.712.798.552.367	1.712.798.552.367	1.651.545.536.533	1.381.802.328.543	1.443.055.344.377	1.443.055.344.377

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hồi phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014: Hạn mức cho vay: 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 01/11/2016. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 01/11/2017. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

[3] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

[4] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VND, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là : 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VND bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sản cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBDG ngày 16/04/2013.

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014. ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBDG ngày 03/2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyên khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBĐG ngày 06/10/2014.

[5] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số : 01/2017-HĐCVĐAT/NHCT908-NBC ngày 21/04/2017. Phương thức cho vay từng lần, số tiền vay không vượt quá 21.300.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Thanh toán lãi 1 tháng 1 lần, thanh toán gốc 3 tháng 1 lần (trùng với ngày thanh toán lãi trong tháng đó).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	46.905.955.386	100.131.461.521	106.038.873.180	435.076.290.087
Tăng trong năm	-	925.697.617	66.635.788.049	9.641.018.000	77.202.503.666
Lợi nhuận sau thuế	-	-	52.540.356.760	329.008.559	52.869.365.319
Phân phối lợi nhuận	-	925.697.617	-	-	925.697.617
Tăng từ Công ty CP May Hậu Giang	-	-	340.570.844	132.444.217	473.015.061
Tăng do hợp nhất May Gia Phúc	-	-	13.754.860.445	9.179.565.224	22.934.425.669
Giảm trong năm	-	2.458.177.171	80.585.690.026	34.962.642.180	118.006.509.377
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	925.697.618	925.697.617	1.851.395.235
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	19.574.684.257	20.059.289.285	39.633.973.542
Chia cổ tức	-	-	59.477.655.278	13.977.655.278	73.455.310.556
Giảm khác	-	2.458.177.171	607.652.873	-	3.065.830.044
Số dư tại 31/12/2016	182.000.000.000	45.373.475.832	86.181.559.544	80.717.249.000	394.272.284.376
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	45.373.475.832	86.181.559.544	80.717.249.000	394.272.284.376
Tăng trong kỳ	-	109.903.944	20.799.369.260	4.115.892.680	25.025.165.884
Tăng từ Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	-	-	(2.758.783.828)	(2.034.499.118)	(4.793.282.946)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	23.558.153.088	4.013.567.198	27.571.720.286
Phân phối lợi nhuận	-	109.903.944	-	102.325.482	212.229.426
Giảm trong kỳ	-	166.204.259	56.099.309.027	4.895.026.522	61.160.539.808
Chia cổ tức	-	-	48.791.934.972	3.041.831.304	51.833.766.276
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	109.903.944	102.325.482	212.229.426
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	5.730.578.529	238.609.714	5.969.188.243
Giảm khác	-	166.204.259	1.466.891.582	1.512.260.022	3.145.355.863
Số dư tại 30/06/2017	182.000.000.000	45.317.175.517	50.881.619.777	79.938.115.158	358.136.910.452

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	116.943.070.000	64,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.791.934.972	59.477.655.278

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
a) Doanh thu	1.969.004.926.308	2.038.839.961.846
Doanh thu bán thành phẩm	1.946.195.890.071	2.018.086.646.951
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.809.036.237	20.753.314.895
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	7.000.000.000	-
Tổng	1.969.004.926.308	2.038.839.961.846
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.641.258.556	8.599.895.950
- Chiết khấu thương mại	686.440.598	886.564.375
- Hàng bán bị trả lại	4.954.817.958	7.713.331.575
Doanh thu thuần	1.963.363.667.752	2.030.240.065.896

5.18 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.564.543.412.659	1.637.352.629.446
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.720.170.141	1.785.832.608
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	1.647.306.797	-
Tổng	1.567.910.889.597	1.639.138.462.054

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.586.602.972	2.675.143.385
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.091.705.600	1.079.100.001
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.768.204.578	16.101.522.760
Tổng	13.446.513.150	19.855.766.146

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.20 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	25.844.407.175	22.299.298.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.493.362.910	6.514.172.296
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	282.212.917	-
Tổng	31.619.983.002	28.813.470.515

5.21 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	33.611.589.131	27.941.662.758
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.484.135.540	3.131.415.157
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.455.570.236	2.373.874.597
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.269.932.871	1.143.241.588
Thuế phí và lệ phí	68.277.162	64.022.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.475.645.008	92.190.233.054
Chi phí bằng tiền khác	11.074.323.150	10.690.919.040
Tổng	147.439.473.098	137.535.368.194

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	116.103.822.778	137.292.849.317
Chi phí vật liệu quản lý	7.170.935.693	6.811.419.151
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.554.510.486	4.563.393.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.082.927.199	11.744.396.620
Thuế phí và lệ phí	1.364.694.711	873.458.509
Chi phí dự phòng	395.923.522	662.359.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.336.130.643	29.708.997.700
Chi phí bằng tiền khác	24.091.807.856	25.495.314.970
Tổng	196.100.752.888	217.152.189.625

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	588.948.833	331.401.526
Thanh lý nguyên vật liệu	425.818.178	946.836.821
Thu nhập từ xuất nhập khẩu và giao nhận	1.626.894.000	3.033.495.000
Thu nhập khác	7.255.052.921	5.240.235.944
Tổng	9.896.713.932	9.551.969.291
Chi phí khác		
Chi phí từ xuất nhập và giao nhận	2.163.861.835	2.277.040.396
Xử lý chênh lệch gia công	70.985.735	113.457.389
Các khoản bị phạt	211.282.201	283.526.255
Các khoản khác	4.062.346.281	1.419.122.497
Tổng	6.508.476.052	4.093.146.537
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	3.388.237.880	5.458.822.754

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	23.558.153.088	26.162.380.328
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.477.900.911)	(5.802.823.172)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.080.252.177	20.359.557.156
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	993	1.119

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch bán hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, nước, thuê máy	10.839.000	11.286.000
		Gia công	-	49.351.636
		Nguyên phụ liệu	-	60.685.378
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	48.621.819
		Điện, nước, thuê máy	199.307.850	89.683.825
		Thiết bị các loại	30.996.727	-
		Tiền thuê nhà	189.852.477	234.400.584
		Khác	10.379.373	74.276.000
Cty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	36.531.540	-
		Quần áo	3.572.728	-
		Tiền thuê nhà	110.200.500	-
		Khác	22.873.219	-
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, nước, thuê máy	-	6.764.000
		Gia công	-	5.090.920
Công ty CP Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	161.627.400	168.318.054
		Khác	412.800	8.296.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	46.711.468	25.527.433
Cty CP Tư vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	166.763	-
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	7.100.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty liên doanh, liên kết	CCDC	-	105.663.000
		Tài sản cố định	-	8.882.324.000
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	800.000	96.850.000
		Khác	44.150.000	-
		Sửa chữa	13.300.000	-
		Thiết bị các loại	25.716.119.320	-
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Mua NVL	-	1.373.798.460
		Tài sản cố định	-	30.000.000
		Thi công công trình	-	14.432.120.364
		Sửa chữa	5.262.741.818	533.353.446
		Thiết bị các loại	2.634.108.298	-
		Khác	122.283.220	-
Công ty CP May Phú Thỉnh-NB	Công ty liên doanh, liên kết	May gia công	1.097.110.383	4.439.960.550
		Tiết kiệm	-	8.180.816
		CCDC	46.200.000	-
		Thiết bị các loại	3.200.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	60.650.370	20.252.430
Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	59.302.584	59.276.448
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	267.683.710	143.092.862
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	10.068.600	4.464.000
	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	908.223.363	1.082.587.883
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	62.591.402
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	6.688.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	809.399.390
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước người bán	2.376.966.006	1.689.597.138
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước người bán	1.997.014.204	1.836.556.028
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	281.847.601	229.310.200
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	18.676.989	19.920.620
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	22.764.533	6.107.682

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.463.331.016	163.402.922.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	456.685.172.074	453.057.938.152
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.315.184.902	11.495.754.445
Đầu tư tài chính dài hạn khác	42.345.613.385	27.755.613.385
Tổng	663.809.301.377	655.712.228.084
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.712.798.552.367	1.443.055.344.377
Phải trả người bán và phải trả khác	354.185.957.717	377.649.088.263
Chi phí phải trả	33.262.696.423	44.317.098.563
Tổng	2.100.247.206.507	1.865.021.531.203

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	342.252.987.534	11.932.970.183	354.185.957.717
Chi phí phải trả	33.262.696.423	-	33.262.696.423
Các khoản vay	1.392.148.201.812	320.650.350.555	1.712.798.552.367
Tổng	1.767.663.885.769	332.583.320.738	2.100.247.206.507
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	354.504.218.455	23.144.869.808	377.649.088.263
Chi phí phải trả	44.317.098.563	-	44.317.098.563
Các khoản vay	1.176.828.009.062	266.227.335.315	1.443.055.344.377
Tổng	1.575.649.326.080	289.372.205.123	1.865.021.531.203

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TT) Mẫu B 09a-DN/HN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.463.331.016	-	148.463.331.016
Phải thu khách hàng và phải thu khác	431.406.277.173	25.278.894.901	456.685.172.074
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.315.184.902	-	16.315.184.902
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	42.345.613.385	42.345.613.385
Tổng	596.184.793.091	67.624.508.286	663.809.301.377
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	163.402.922.102	-	163.402.922.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	436.348.002.742	16.709.935.410	453.057.938.152
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.495.754.445	-	11.495.754.445
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	27.755.613.385	27.755.613.385
Tổng	611.246.679.289	44.465.548.795	655.712.228.084

6.3 Thông tin so sánh

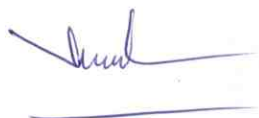
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Quế Thanh



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân